

**ĐỀ ÁN**  
**TỔ CHỨC SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT VỤ HÈ THU - MÙA NĂM 2024**

**Phần thứ nhất**  
**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ HÈ THU - MÙA NĂM 2023**

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Sản xuất Vụ Hè Thu - Mùa 2023 diễn ra trong điều kiện thời tiết cực đoan đầu vụ nắng nóng, hạn hán xảy ra trên diện rộng với cường độ gay gắt hơn so với các năm trước đã làm nhiều diện tích cây trồng không đủ nước để sản xuất, giữa và cuối vụ chịu ảnh hưởng của các đợt mưa lớn, dông lốc và mưa đá đã gây ngập úng và làm thiệt hại 9.949,95 ha diện tích các loại cây trồng như lúa, ngô rau màu, cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm.

Nhưng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, các ban ngành từ tỉnh đến địa phương và sự cố gắng nỗ lực của người nông dân trong ứng dụng KHCN, phòng chống thiên tai, phòng trừ sâu bệnh, khắc phục những khó khăn để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, đảm bảo an ninh lương thực; cụ thể như sau:

**II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

**2.1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất**

Cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến địa phương luôn quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt để tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất.

- UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Chỉ thị sản xuất; Đề án; các Công điện tăng cường chỉ đạo sản xuất; Thành lập các đoàn kiểm tra, ứng phó và khắc phục hạn hán, mưa bão, chỉ đạo sản xuất; đã ban hành 04 công văn về các giải pháp để phòng chống hạn hán, cung cấp nước phục vụ sản xuất, chỉ đạo khôi phục sản xuất sau mưa lớn.

- Ngành Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với Sở Công thương và các Công ty Thủy điện (Bản Vẽ, Khe Bó, Chi Khê) trên địa bàn để điều tiết nước phục vụ sản xuất vụ Hè thu, khắc phục tình trạng thiếu nước do nắng hạn gây ra.

- Lãnh đạo Tỉnh, các ban ngành của Sở Nông nghiệp và PTNT đã trực tiếp xuống các địa phương để kiểm tra, chỉ đạo sản xuất và kiểm tra tình hình hạn hán, mưa lớn để điều tiết nước phục vụ sản xuất và khắc phục thiệt hại sau mưa lớn.

- UBND các huyện, thành phố, thị xã đã kịp thời ban hành Đề án, kế hoạch sản xuất; Chỉ thị và thành lập Ban chỉ đạo sản xuất, một số địa phương đã trích ngân sách địa phương để khuyến khích, hỗ trợ cho nông dân sản xuất; thực hiện tốt cơ cấu giống; phối hợp với các sở, ban ngành cấp trên, huy động mọi lực lượng hiện có tại địa phương và trực tiếp xuống cơ sở để kiểm tra; vận hành, điều tiết nước để khắc phục hạn hán, mưa lớn; chỉ đạo sản xuất; phòng trừ sâu bệnh hại và ứng dụng TBKT vào sản xuất.

## **2.2. Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch (*chi tiết tại phụ lục 01*)**

Tổng diện tích gieo trồng đạt 110.112,73 ha/KH 111.650 ha (đạt 98,62 % so với KH) và tổng diện tích cho thu hoạch là 109.575,48 ha/KH 111.650 ha (đạt 98,14 % so với KH). Trong đó, tổng sản lượng cây lương thực có hạt 420.250,36 tấn đạt 97,87 % so với vụ Hè Thu - Mùa năm 2022 và đạt 99,02 % so với kế hoạch. Cụ thể như sau:

- Cây Lúa: Tổng diện tích 77.696,01 ha/KH 81.500 ha (đạt 95,33 %), diện tích cho thu hoạch là 77.207,01 ha (đạt 94,73 % KH). Trong đó:

+ Vụ Hè thu: Diện tích 56.947,89 ha, diện tích cho thu hoạch 56.828,26 ha/KH 58.000 ha (đạt 97,98 % và đạt 94,59 % so với vụ Hè thu năm 2022); Năng suất 51,33 tạ/ha/KH 51,5 tạ/ha (đạt 99,67 %); Sản lượng 291.682,0 tấn/KH 298.700 tấn (đạt 97,65 % KH và đạt 94,11 % so với vụ Hè thu 2022).

+ Vụ Mùa: Diện tích 20.748,12 ha, diện tích cho thu hoạch 20.378,75 ha/KH 23.500 ha (đạt 86,72 %); Năng suất 40,35 tạ/ha/KH 37,0 tạ/ha (đạt 109,05 %); Sản lượng 82.231,26 tấn/KH 86.950 tấn (đạt 94,57 %).

- Cây Ngô: Tổng diện tích gieo trồng 14.660,62 ha/KH 12.200 ha, diện tích cho thu hoạch là 14.613,22 ha (đạt 119,78 %). Trong đó:

+ Ngô lấy hạt: Diện tích gieo trồng 12.025,31 ha, diện tích cho thu hoạch 11.977,91 ha/KH 10.200 ha (đạt 117,90 %); Năng suất 38,69 tạ/ha/KH 38,0 tạ/ha (đạt 101,82 %); Sản lượng 46.337,10 tấn/KH 38.760 tấn (đạt 119,55 %).

+ Ngô sinh khối làm thức ăn cho bò: Diện tích gieo trồng 2.635,31 ha, diện tích cho thu hoạch 2.635,31 ha/KH 2.000 ha (đạt 131,77 %); Năng suất 351,13 tạ/ha/KH 350 tạ/ha (đạt 100,32 %); Sản lượng 92.534,16 tấn/KH 70.000 tấn (đạt 132,19 %).

- Cây Rau các loại: Diện tích gieo trồng 12.175,47 ha, diện tích thu hoạch 12.174,62 ha/KH 11.800 ha (đạt 103,17 %); Năng suất 148,73 tạ/ha/KH 150 tạ/ha (đạt 99,15 %); Sản lượng 181.075,89 tấn/KH 177.000 tấn (đạt 102,30 %).

- Cây Đậu đỗ các loại: Diện tích gieo trồng 2.187,01 ha, diện tích thu hoạch 2.187,01 ha/KH 2.600 ha (đạt 84,12 %); Năng suất 8,95 tạ/ha/KH 8,5 tạ/ha (đạt 105,29 %); Sản lượng 1.957,56 tấn/KH 2.210 tấn (đạt 88,58 %).

- Cây Lạc: Diện tích gieo trồng 615,65 ha, diện tích thu hoạch 615,65 ha/KH 750 ha (đạt 82,09 %); Năng suất 22,21 tạ/ha/KH 22,0 tạ/ha (đạt 100,95 %); Sản lượng 1.367,45 tấn/KH 1.650 tấn (đạt 82,88 %).

- Cây Vừng: Diện tích gieo trồng 2.777,97 ha, diện tích thu hoạch 2.777,97 ha/KH 2.800 ha (đạt 99,21 % ); Năng suất 7,55 tạ/ha/KH 7,2 tạ/ha (đạt 104,86 %); Sản lượng 2.096,89 tấn/KH 2.016 tấn (đạt 104,01 %).

### **2.3. Thời vụ và cơ cấu giống**

#### **a) Thời vụ**

Vụ Hè thu – Mùa năm 2023 cơ bản các huyện, thành phố, thị xã đều bố trí gieo cấy lúa đảm bảo thời vụ theo từng vùng đất (Vùng Hè thu chạy lụt thu hoạch trước 30/8). Tuy nhiên, có một số diện tích lúa Hè thu chạy lụt gieo cấy muộn hơn so với các năm trước (*tại Nghi Lộc, TP Vinh*) do thiếu nước đầu vụ nên thời gian thu hoạch lúa từ 05-10/9/2023 (*Năm 2023, mưa lớn gây ngập lụt từ ngày 25-29/9/2023 diễn ra sau khi đã thu hoạch lúa Hè thu chạy lụt nên không gây thiệt hại đến những diện tích Hè thu chạy lụt gieo cấy muộn*). Một số diện tích không có nước gieo cấy để gieo cấy kịp thời vụ nên phải chuyển sang làm vụ mùa.

#### **b) Cơ cấu giống lúa**

- Diện tích lúa thuần 72.998,76 ha/KH 72.500 ha, đạt 100,69 % và chiếm 93,95 % diện tích lúa. Diện tích lúa lai 4.697,25 ha/KH 9.000 ha, đạt 52,19 % và chiếm 6,05 % diện tích lúa; Trong đó, các giống có diện tích lớn và năng suất cao là: VNR20; TBR225, LTH31 (SL9); Bắc Thịnh; Thiên ưu 8; Long Hương 8117, ...

- Diện tích lúa chất lượng là 27.343,12 ha/KH 25.000 ha (đạt 109,37 %), gồm các giống Bắc Thịnh, BC15, Nếp 87, Nếp 97, Hương thơm 1, LTH31, ...

### **2.4. Công tác bảo vệ thực vật và thủy lợi, tưới tiêu**

- Công tác bảo vệ thực vật và thủy lợi, tưới tiêu thực hiện tốt, góp phần làm giảm thiểu thiệt hại về diện tích, năng suất, sản lượng các cây trồng.

- Công tác bảo vệ thực vật: Công tác điều tra phát hiện, dự tính dự báo được cơ quan chuyên môn các cấp chú trọng và thực hiện tốt; tham mưu kịp thời cho lãnh đạo các cấp để tổ chức chỉ đạo, phòng trừ hiệu quả các đối tượng dịch hại như: Sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân, rầy lưng trắng, bệnh bạc lá vi khuẩn, bệnh lem lép hạt, nhện gié, ... hại lúa; bệnh khảm lá sắn; sâu bệnh hại cam,... Bên cạnh đó, công tác chỉ đạo phòng trừ sâu bệnh hại đã được các địa phương triển khai thực hiện tốt, đã tổ chức phòng trừ được 23.829,5 ha/38.830 ha nhiễm các loại sâu bệnh (trên cây lúa 21.217 ha/31.308,8 ha nhiễm sâu bệnh; trên cây ngô 125 ha/118,7 ha nhiễm sâu bệnh; trên cây cam 547,5 ha/845 ha ha; trên cây mía 563 ha/572 ha;...).

- Về công tác thủy lợi, tưới tiêu nước: Ngành Nông nghiệp đã phối hợp với Sở Công thương, các công ty thủy điện trên địa bàn tỉnh cùng với các địa phương

đề chỉ đạo, thực hiện công tác tưới tiêu, điều tiết nước trước tình hình hạn hán, thiếu nước nhằm kịp thời cung cấp nước gieo trồng, tưới dưỡng đối với những diện tích cây trồng bị hạn và thực hiện tiêu úng kịp thời sau khi có mưa lớn.

## **2.5. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa**

- Diện tích chuyển đổi vụ Hè thu - Mùa 2023 là 357,2 ha, trong đó chuyển đổi trên đất 2 vụ lúa là 91,2 ha, chuyển đổi trên đất 01 vụ lúa là 266,0 ha. Chuyển đổi sang cây hàng năm (ngô, rau, dưa các loại, sắn) là 325,2 ha, sang cây lâu năm (ổi, táo, ...) là 2,4 ha, sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản là 27,2 ha.

- Hiệu quả kinh tế trên đất được chuyển đổi: Đối với các cây hàng năm như rau, dưa, bí xanh, trồng lúa kết hợp NTTS cho lãi từ 20-90 triệu đồng/ha, cao hơn so với trồng lúa từ 1,5-4,5 lần.

## **2.6. Chuyển giao, ứng dụng KHCN**

- *Về công tác khuyến nông*: Công tác khuyến nông, chuyển giao các tiến bộ KHKT được các cấp ngành, địa phương quan tâm để đưa đến các tiến bộ mới cho người dân. Mặt khác, người dân cũng luôn hưởng ứng và tiếp thu các tiến bộ kỹ thuật mới để áp dụng vào sản xuất. Trong vụ Hè thu - Mùa 2023, toàn tỉnh đã thực hiện được 62 mô hình áp dụng trên các loại cây trồng như lúa, ngô, rau,...

### **- Kết quả về ứng dụng KHCN, TBKT vào sản xuất**

+ Diện tích lúa cấy bằng máy là 1.376,2 ha tại một số huyện như Yên Thành, Thanh Chương, Diễn Châu, Quỳnh Lưu. Diện tích áp dụng sản xuất lúa theo SRI là 5.505 ha, áp dụng theo kỹ thuật 3 giảm 3 tăng là 1.023 ha.

+ Diện tích rau, quả các loại được công nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và tương đương còn hiệu lực là 640,48 ha tại Nghĩa Đàn, Yên Thành, Diễn Châu, Quỳnh Lưu, TX Hoàng Mai, Nghi Lộc, Đô Lương, TX Thái Hòa, TP Vinh, Anh Sơn, ...;

+ Diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ được chứng nhận là 57,37 ha cho cây trồng gồm: cam, rau, ổi, đu đủ, sâm ngưi bàng, dược liệu tại các huyện Thanh Chương, TX Thái Hòa, Nghĩa Đàn, Hưng Nguyên, Diễn Châu; 10 ha chè được chứng nhận chuyển đổi hữu cơ tại Anh Sơn và 6,4 ha rau được chứng nhận hướng hữu cơ tại Nam Đàn, Quỳnh Lưu.

+ Diện tích sản xuất trong nhà lưới, nhà màng là 44,93 ha, trồng các loại cây có giá trị cao như dưa chuột, dưa lưới, dưa vàng, ....

## **2.7. Về liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và cấp mã số vùng trồng**

- Liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm:

+ Số lượng hợp tác xã (HTX) hoạt động hiệu quả ngày càng tăng. Tính đến 31/12/2023, toàn tỉnh có 699 hợp tác xã nông nghiệp, số hợp tác xã hoạt động

hiệu quả là 466 hợp tác xã (tương đương 66,66 % tổng số HTX toàn tỉnh). Trong đó có 94 HTX có ứng dụng công nghệ cao và 278 HTX đã thực hiện liên kết sản xuất cho người dân từ 01-02 vụ/năm. Số HTX thực hiện liên kết cho dân ngày càng nhiều sẽ ổn định đầu ra cho sản phẩm, tạo động lực cho người dân yên tâm đầu tư sản xuất.

+ Diện tích các cây trồng được liên kết sản xuất vụ Hè Thu - Mùa hơn 12.000 ha, trong đó cây lúa trên 10.000 ha, các cây khác như ngô, dưa lưới, rau, .... khoảng 2.000 ha.

- Cấp, quản lý mã số vùng trồng:

Đến nay đã có 65 vùng trồng được cấp mã số với các loại cây trồng như: Dưa lưới, rau, cam, chè, lúa, ngô, lạc,... và tổ chức tập huấn, tuyên truyền các thủ tục cấp và quản lý vùng trồng cho các tổ chức, cá nhân và các xã tại 04 huyện: Nam Đàn, Hưng Nguyên, Đô Lương, Thanh Chương. Đã tiến hành giám sát 06 cơ sở của 06 vùng trồng, kết quả đã hủy mã số của 03 vùng trồng (*Do nhu cầu của cá nhân; vùng không trồng loại cây trồng đã được cấp; cây trồng của vùng trồng đó khả năng sinh trưởng, phát triển kém không cho đúng sản lượng đã đăng ký cấp*); 03 vùng trồng đảm bảo các quy định khi giám sát.

## **2.8. Về thực hiện cơ chế chính sách trong vụ Hè thu - Mùa 2023**

UBND tỉnh và các địa phương đã có các chính sách hỗ trợ nông dân trong sản xuất vụ Hè thu - Mùa đã giúp người dân an tâm sản xuất, cụ thể như sau:

a) Thực hiện các chính sách của UBND tỉnh:

- Chính sách hỗ trợ giống cây trồng để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do mưa lớn, lốc sét theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND với số tiền đề nghị là hơn 18,178 tỷ đồng đã góp phần hỗ trợ người nông dân khôi phục sản xuất và tích cực tái đầu tư sản xuất.

- Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà lưới, nhà màng, hỗ trợ giống chuối theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 để khuyến khích người dân phát triển sản xuất một cách bền vững, lâu dài và hiệu quả với số tiền hơn 1,085 tỷ đồng.

- Hỗ trợ kinh phí giống, phân bón xây dựng các mô hình đất lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP và Nghị định 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 35/2015/NĐ-CP nhằm nâng cao trình độ canh tác lúa của nông dân, duy trì được diện tích lúa ổn định nhằm đảm bảo an ninh lương thực với số tiền hỗ trợ trong vụ Hè thu - Mùa 2023 là hơn 10,055 tỷ đồng.

b) Hỗ trợ từ nguồn ngân sách cấp huyện:

- Các huyện, thành, thị bị thiệt hại do mưa lớn, lốc xoáy đã trích 10 % kinh phí cấp huyện với số tiền 2,02 tỷ đồng để khôi phục sản xuất theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nghệ An.

- Có 04 huyện, thị (Hung Nguyên, TX Thái Hòa, Con Cuông, Kỳ Sơn) đã trích ngân sách dự phòng cấp huyện để hỗ trợ xây dựng các mô hình, cánh đồng lớn và liên kết sản xuất với số tiền 1,393 tỷ đồng.

### **III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

#### **1. Tồn tại, hạn chế**

- Diện tích gieo trồng, diện tích thu hoạch và sản lượng các cây trồng (lúa, lạc, đậu đỗ, cây vừng) đều không đạt so với kế hoạch đề ra; tiến độ gieo trồng và diện tích lúa Hè thu không đạt so với kế hoạch đề ra, một số diện tích lúa Hè thu phải chuyển sang sản xuất vụ Mùa.

- Tổng diện tích cây trồng bị thiệt hại trong vụ Hè thu - Mùa 2023 là 9.949,95 ha (lúa, ngô và rau màu, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm), trong đó diện tích thiệt hại >70 % là 5.907,28 ha, thiệt hại từ 30 – 70 % là 4.042,67 ha.

- Diện tích đất lúa trong kế hoạch không sản xuất vụ Hè thu - Mùa 2023 là 3.804 ha (*tại một số huyện như Diễn Châu, Yên Thành, Quỳnh Lưu, Nghi Lộc, Đô Lương, Tân Kỳ...*). Diện tích các cây trồng bị ảnh hưởng bởi hạn hán là 4.255,7 ha.

- Diện tích các cây trồng được liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm và diện tích được chứng nhận theo các tiêu chuẩn an toàn vẫn còn chiếm tỷ lệ thấp (*diện tích được chứng nhận an toàn chiếm khoảng 0,6 %, diện tích được liên kết bao tiêu sản phẩm chiếm khoảng 10,9 %*).

#### **2. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế**

##### **a) Nguyên nhân khách quan**

- Đầu vụ thời tiết nắng nóng kéo dài, lượng mưa ít, lượng nước thiếu hụt tại các hồ đập, sông suối đã gây ra hạn hán, thiếu nước cho sản xuất và tưới dưỡng nên một số cây trồng không đạt được diện tích và năng suất giảm.

- Do lịch đóng nước để hoàn thiện dự án khôi phục, nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An và lịch cắt điện luân phiên nên các trạm bơm không thể hoạt động để cấp nước kịp thời đã ảnh hưởng đến tiến độ gieo cấy lúa vụ Hè thu và một số nơi muộn thời vụ để gieo cấy nên người dân không sản xuất. Vì vậy, diện tích lúa Hè thu không đạt so với kế hoạch đề ra và một số diện tích lúa phải chuyển sang sản xuất vụ Mùa.

- Do ảnh hưởng mưa lớn từ ngày ngày 25-29/9/2023 và lốc xoáy, mưa đá đã làm thiệt hại nhiều diện tích cây trồng nên cũng ảnh hưởng đến các chỉ tiêu hoàn thành kế hoạch.

#### ***b) Nguyên nhân chủ quan***

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền ở một số địa phương còn thiếu tập trung và quyết liệt trong việc thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, phòng trừ sâu bệnh nên ảnh hưởng đến diện tích và năng suất cây trồng.

- Một số địa phương chưa quan tâm, chủ động thu hút, kết nối các tổ chức, cá nhân tham gia liên kết, tiêu thụ sản phẩm cho người dân. Bên cạnh đó, người dân và các đơn vị thu mua chưa hài hòa được quyền và lợi ích giữa các bên tham gia nên diện tích các cây trồng được liên kết tiêu thụ còn thấp.

- Lực lượng lao động trong nông nghiệp ngày càng già hóa, trình độ sản xuất thấp, cách tiếp cận thông tin về KHCVN, TBKT của đa số nông dân vẫn còn nhiều hạn chế nên chưa có nhiều sản phẩm nông sản an toàn, có thương hiệu và truy xuất nguồn gốc.

- Việc vận động, khuyến khích nông dân tập trung ruộng đất để thực hiện sản xuất hàng hóa với quy mô lớn, liên kết bao tiêu sản phẩm còn khó khăn.

### **IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ SẢN XUẤT VỤ HÈ THU - MÙA 2023**

- Xây dựng kế hoạch sản xuất phải sát đúng với tình hình thực tế, phù hợp đặc điểm sản xuất, điều kiện cụ thể của từng vùng, địa phương.

- Tập trung chỉ đạo nông dân gieo cấy lúa trên những diện tích có đủ nước tưới. Chỉ bố trí sản xuất lúa ở những vùng có nước ngọt đủ 3 tháng, tối thiểu phải đủ 2,5 tháng đảm bảo đủ nước ngọt ở giai đoạn đẻ nhánh, làm đòng, trổ, chín sữa. Sử dụng các giống ngắn ngày, cực ngắn ngày, gieo trồng đồng loạt, tập trung theo từng vùng, từng cánh đồng.

- Tổ chức chỉ đạo sản xuất một cách kịp thời, quyết liệt, huy động sự vào cuộc của hệ thống chính trị, phát huy tốt các nguồn lực để hướng dẫn, triển khai thực hiện phòng chống thiên tai, dịch bệnh,... là yếu tố hết sức quan trọng đảm bảo thắng lợi trong sản xuất.

- Chủ động xây dựng kế hoạch điều tiết nước, lịch tưới của các công trình thủy lợi đảm bảo nguồn nước cho sản xuất. Thời điểm nắng nóng, đất bị khô hạn thì huy động mọi giải pháp để ưu tiên tưới trên những diện tích lúa đã gieo cấy để bảo vệ những diện tích đã gieo cấy, hạn chế thấp nhất thiệt hại gây ra.

- Đối với những diện tích đất trồng lúa không có nước suốt cả vụ, thực hiện chuyển đổi sang trồng các cây trồng cạn có nhu cầu nước ít hơn như ngô sinh khối,

đậu đỗ các loại, vừng,...). Chuyển đổi cơ cấu cây trồng đồng thời chuyển đổi mùa vụ để khi đất đủ độ ẩm có thể gieo trồng, đảm bảo thời vụ.

- Công tác dự tính, dự báo và cung cấp thông tin tình hình thiên tai, dịch hại cây trồng cho người dân kịp thời, chính xác góp phần rất quan trọng trong phòng tránh, giảm nhẹ thiệt hại.

- Thực hiện tốt tác tuyên truyền, phổ biến về kế hoạch sản xuất, nhân rộng mô hình sản xuất có hiệu quả, để nông dân biết, hiểu và thực hiện.

## **Phần thứ hai**

### **PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TỔ CHỨC SẢN XUẤT VỤ HÈ THU, VỤ MÙA NĂM 2024**

#### **I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH VỤ HÈ THU - MÙA NĂM 2024**

##### **1.1. Dự báo tình hình thời tiết**

Theo dự báo của Đài Khí tượng - Thủy văn Bắc Trung Bộ tình hình khí tượng, thủy văn từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2024 như sau:

##### **\* Hiện tượng ENSO**

Hiện nay, trạng thái khí quyển và đại dương đang trong điều kiện El Nino và tiếp tục duy trì hiện tượng này từ tháng 3-5. Từ tháng 6-8/2024, dự báo ENSO có khả năng chuyển sang trạng thái trung tính. Trong nửa cuối năm 2024, nhiệt độ mặt nước biển khu vực xích đạo trung tâm Thái Bình Dương (khu vực NINO3.4) có xu hướng giảm dần và trạng thái ENSO có khả năng chuyển sang pha La Nina vào các tháng cuối năm 2024.

##### **\* Khí tượng**

- *Bão, áp thấp nhiệt đới và các hiện tượng thời tiết nguy hiểm*

Từ tháng 03-6/2024, trên Biển Đông ít có khả năng xuất hiện bão/ATNĐ. Từ tháng 7-12/2024, số lượng bão và ATNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông có khả năng ở mức xấp xỉ so với TBNN và có thể ảnh hưởng trực tiếp đến tỉnh Nghệ An vào tháng 9-10.

- *Mưa lớn, dông, lốc, sét, mưa đá*: có khả năng xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như: Dông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh, đặc biệt trong các thời kỳ chuyển mùa (tháng 4-5 và tháng 9-10/2024).

- *Nắng nóng*: Tại khu vực Bắc Trung Bộ, nắng nóng có khả năng đến sớm và xuất hiện nhiều hơn so với TBNN. Đề phòng xảy ra nắng nóng gay gắt và đặc biệt gay gắt từ tháng 5-7.

- *Khô hạn*: đề phòng tình trạng khô hạn trong thời kỳ từ tháng 3-4/2024.



**- Nhiệt độ:**

+ Từ tháng 03-09/2024, nhiệt độ trung bình phổ biến ở mức cao hơn khoảng 1,0-1,5<sup>0</sup>C so với TBNN cùng thời kỳ.

+ Từ tháng 10-12/2024, nhiệt độ trung bình phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

**- Lượng mưa:**

+ Tháng 03-06/2024: TLM có xu hướng thấp hơn 10-20% so với TBNN cùng thời kỳ.

+ Tháng 07-09/2022, tổng lượng mưa phổ biến xấp xỉ so với trung bình nhiều năm (TBNN) cùng thời kỳ.

+ Tháng 10-12/2024: TLM có xu hướng cao hơn 10-20% so với TBNN cùng thời kỳ.

**\* Thủy văn**

- Từ tháng 03 đến tháng 05/2024, mực nước trên các sông Nghệ An biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu ảnh hưởng của thủy triều. Lượng dòng chảy trên các sông từ tháng 03 đến tháng 05/2024 có khả năng thấp hơn so với TBNN từ 10 - 40% cùng thời kỳ cùng thời kỳ (*trong tháng 5 cần đề phòng thiếu nước cục bộ và xâm nhập mặn xảy ra tại các huyện đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An*).

- Từ tháng 06 - 9/2024, lượng dòng chảy trên các sông Nghệ An có khả năng xuất hiện 02 – 03 đợt lũ. Lượng dòng chảy trên các sông Nghệ An có khả năng ở mức thấp hơn so với TBNN từ 15 - 20% cùng thời kỳ. *Cần đề phòng nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất vùng đồi núi và ngập úng cục bộ ở những vùng thấp trũng.*

**1.2. Nhận định về tình hình nguồn nước**

a) Nguồn nước các hồ chứa: Tỉnh Nghệ An có 1.061 hồ chứa. Tính đến ngày 05/4/2024.

- Các hồ chứa do công ty TNHH thủy lợi quản lý: Quan trắc 103 hồ, hiện nay có hơn 92% hồ chứa có dung tích hữu ích thiếu hụt so với dung tích hữu ích thiết kế, (*Cụ thể: 08 hồ đầy nước, cùng kỳ năm 2023 có 06 hồ đầy nước; 47 hồ có dung tích >70 % WTK, cùng kỳ năm 2023 có 58 hồ; 29 hồ có dung tích từ 50-70% WTK, cùng kỳ năm 2023 có 25 hồ; 19 hồ có dung tích <50% WTK, cùng kỳ năm 2023 có 14 hồ*).

- Các hồ chứa do địa phương quản lý: có 958 hồ. Lượng nước trong các hồ chứa đến thời điểm hiện nay: có 186 hồ đập đầy nước; 537 hồ đập có dung tích (lớn hơn 70 % WTK); 235 hồ đập có dung tích đạt từ (40-70% WTK); 0 hồ đập có dung tích (nhỏ hơn 40 % WTK).

b) *Hồ chứa thủy điện Bản Vẽ*: Mực nước hồ Bản Vẽ Lúc 07 giờ ngày 09/4/2024: Mực nước hồ: 190,54m/200m; lưu lượng về hồ 24m<sup>3</sup>/s; Dung tích hữu

ích 982,7 triệu m<sup>3</sup>; dung tích hiện tại là 1.434,3 triệu m<sup>3</sup> /TK 1.835 triệu m<sup>3</sup> (đạt 78,2%); (Cùng kỳ TL 177,17m/TK 200m).

### **1.3. Tình hình sản xuất vụ Xuân 2024**

**1.3.1. Về diện tích gieo trồng:** Theo báo cáo của UBND các huyện thành, thị, tính đến ngày 11/4/2024 diện tích các cây trồng vụ Xuân 2024 như sau:

- Cây lúa: Tổng diện tích lúa đã gieo cấy là 91.075,41 ha/KH 90.500 ha, đạt 100,64 % so với kế hoạch; diện tích lúa trổ là 11.065 ha tập trung ở các huyện Yên Thành, Diễn Châu, Tân Kỳ, Nghĩa Đàn, ...

- Cây ngô: Diện tích đã gieo trồng: 18.954,54 ha/KH 19.500 ha, đạt 97,20 % so với kế hoạch.

- Cây lạc: Diện tích đã gieo trồng: 8.029,83 ha/KH 8.600 ha, đạt 93,37 % so với kế hoạch.

- Cây rau các loại: Diện tích đã gieo trồng: 11.430,08 ha/KH 12.000 ha, đạt 95,25 % so với kế hoạch.

- Cây khoai lang: Diện tích đã gieo trồng: 758,60 ha/KH 1.400 ha, đạt 54,18 % so với kế hoạch.

#### **1.3.2. Tình hình sâu bệnh hại chính**

- Tình hình sinh trưởng các loại cây trồng: Hiện nay các cây trồng đang sinh trưởng và phát triển tốt. Cây lúa giai đoạn đẻ nhánh, đứng cái, làm đòng; Cây ngô: giai đoạn cây con đến trổ cờ, phun râu; cây lạc: ra hoa, đâm tia, phát triển củ,...

- Tình hình sâu bệnh hại chính:

+ Trên cây lúa: Bệnh đạo ôn lá: tổng diện tích nhiễm bệnh trên 1.445,45 ha (trong đó có 132 ha nhiễm nặng và 22,7 ha cháy lá); Bệnh khô vằn: tổng diện tích nhiễm bệnh 3.662 ha, trong đó có 231 ha nhiễm nặng; Chuột: tổng diện tích lúa bị chuột hại 2.518,8 ha, trong đó có 256,4 ha bị hại nặng. Các đối tượng khác như: Ốc bươu vàng, bệnh xám nâu, nghệt rễ, vàng lá sinh lý, ... phát sinh gây hại cục bộ.

+ Trên cây ngô: Toàn tỉnh có 14,7 ha nhiễm sâu keo mùa thu; 23 ha nhiễm bệnh đốm lá và 4 ha nhiễm khô vằn.

+ Trên cây lạc: Diện tích nhiễm các đối tượng sâu bệnh chính như: Bệnh đốm lá 282 ha; Bệnh thối gốc 40,2 ha.

+ Trên cây rau: Các sâu bệnh hại chính như: Bệnh sương mai, lở cổ rễ, sâu keo da láng, sâu xanh, sâu tơ, rầy, rệp, bọ nhảy, ... phát sinh gây hại cục bộ một số vùng.

#### **1.4. Nhận định về tình hình sâu bệnh hại**

Dự báo trong vụ Hè Thu năm 2024 tình hình sinh vật gây hại chính trên các cây trồng chính sẽ diễn biến phức tạp, khó lường. Trên cây lúa thời kỳ đầu vụ khả năng ốc bươu vàng, chuột, bọ trĩ, ngô độc hữu cơ, ... sẽ gây hại trên diện rộng, cục

bộ một số vùng bị gây hại nặng, giữa đến cuối vụ các đối tượng như chuột, sâu cuốn lá nhỏ, rầy, sâu đục thân, nhện gié, bệnh bạc lá, lem lép hạt, khô vằn,... có nguy cơ gây hại cao, cục bộ một số diện tích có khả năng bị gây hại nặng gây ảnh hưởng đến sinh trưởng, năng suất và chất lượng sản phẩm. Ngoài lúa các sâu bệnh có nguy cơ cao phát sinh gây hại trên các cây trồng khác như: Sâu keo mùa thu hại ngô, sâu khoang, bệnh lở cổ rễ, héo xanh hại lạc, sâu cuốn lá hại vừng, đậu đỗ.

## **1.5. Thuận lợi, khó khăn sản xuất vụ Hè Thu - Mùa 2024**

### **1.5.1. Thuận lợi**

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và các ngành chức năng từ Tỉnh đến địa phương quan tâm vào cuộc đề tập trung chỉ đạo, phát triển sản xuất nông nghiệp.

- Trung ương, Tỉnh và các địa phương có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp như: Chính sách hỗ trợ khắc phục thiên tai, dịch bệnh; cơ giới hóa; liên kết sản xuất; tập trung ruộng đất để phát triển sản xuất quy mô lớn; ứng dụng KHCN vào sản xuất; chứng nhận sản phẩm nông nghiệp an toàn theo các tiêu chuẩn; ... nhằm khuyến khích nông dân đầu tư phát triển sản xuất.

- Các tiên bộ về KHCN, quy trình kỹ thuật mới như: Công nghệ tưới nhỏ giọt, thủy canh, bán thủy canh; Nhà lưới, nhà màng; Quy trình sản xuất tiên tiến, an toàn theo các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, SRI, IPM, ICM,...; các giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng đã và đang được khẳng định và từng bước áp dụng có hiệu quả vào sản xuất, nâng cao sản lượng, chất lượng và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Cơ giới hóa trong nông nghiệp ngày được ứng dụng rộng rãi nhất là khâu làm đất, thu hoạch, cấy máy, phun thuốc BVTV bằng máy bay sẽ tạo điều kiện cho việc giảm công lao động, đẩy nhanh tiến độ gieo trồng vụ Hè thu - Mùa, đảm bảo thời vụ sản xuất.

- Các công trình thủy lợi, kênh mương đã được đầu tư cải tạo, nâng cấp (*hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An*) nên sẽ thuận lợi hơn trong việc tưới tiêu nước phục vụ sản xuất.

- Các HTX hoạt động có hiệu quả ngày càng tăng, tạo điều kiện trong việc khâu nối sản xuất giữa nông dân và doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất nông sản theo hướng công nghệ cao, an toàn, góp phần nâng cao giá trị trên đơn vị diện tích ngày càng ổn định và bền vững.

- Giá lúa, gạo vẫn đang ở mức cao; đồng thời nhu cầu nhập khẩu gạo của các thị trường truyền thống trên thế giới như Trung Quốc, Philippines, các nước châu Phi,... được dự báo tiếp tục tăng sẽ thúc đẩy nhu cầu sản xuất.

- Công tác dự tính, dự báo tình hình thời tiết, thiên tai, thủy lợi, dịch hại cây trồng ngày càng chính xác và cập nhật thường xuyên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chỉ đạo sản xuất, bố trí thời vụ, phòng trừ dịch hại, hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra.

### **1.5.2. Khó khăn**

- Theo dự báo của Đài Khí tượng Thủy văn Bắc Trung Bộ thì nhiệt độ trung bình từ tháng 03-09/2024 phổ biến ở mức cao hơn khoảng 1,0-1,5<sup>0</sup>C so với TBNN cùng thời kỳ. Nắng nóng có khả năng đến sớm và xuất hiện nhiều hơn so với TBNN (nắng nóng gay gắt và đặc biệt gay gắt từ tháng 5-7). Tổng lượng mưa từ tháng 03-06/2024 có xu hướng thấp hơn 10-20% so với TBNN cùng thời kỳ. Lượng dòng chảy trên các sông từ tháng 3-5/2024 có khả năng thấp hơn so với TBNN từ 10 - 40% cùng thời kỳ cùng thời kỳ (*trong tháng 5 cần đề phòng thiếu nước cục bộ và xâm nhập mặn xảy ra tại các huyện đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An*). Bão và áp thấp nhiệt đới có khả năng ở mức xấp xỉ so với TBNN và có thể ảnh hưởng trực tiếp đến tỉnh Nghệ An vào tháng 9-10. Bên cạnh đó, với thực trạng nguồn nước tại các hồ đập, sông suối và các công trình đầu mối nói trên thì nguy cơ xảy ra hạn hán, thiếu nước cho sản xuất và tưới dưỡng, xâm nhập mặn là rất cao, xảy ra sớm và trên diện rộng. Do đó, nguy cơ sẽ ảnh hưởng lớn đến việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch (*diện tích, năng suất, sản lượng*).

- Theo dự báo của một số huyện thì diện tích có nguy cơ hạn, thiếu nước nằm trong kế hoạch là 4.265 ha (tại một số huyện như Yên Thành, Quỳnh Lưu, TX Hoàng Mai, Hưng Nguyên, TP Vinh, Thanh Chương, Đô Lương, Anh Sơn, Con Cuông, Quỳnh Hợp, ...), do đó cũng sẽ ảnh hưởng đến chỉ tiêu diện tích, năng suất các cây trồng.

- Nguy cơ tiềm ẩn một số dịch hại có thể phát sinh gây hại mạnh trong vụ Hè thu - Mùa 2024 như: Sâu cuốn lá nhỏ, chuột, rầy nâu, rầy lưng trắng, nhện gié, bệnh lùn sọc đen, ... trên cây lúa và sâu keo mùa thu trên cây ngô. Nhất là những vùng bỏ ruộng, không sản xuất sẽ là nơi trú ngụ, phát sinh của chuột và các loại sâu bệnh hại.

- Công tác chỉ đạo, tổ chức sản xuất một số nơi vẫn chưa thực sự quyết liệt và nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng.

- Lực lượng lao động trong sản xuất nông nghiệp ngày càng già hóa và thiếu do chuyển dịch sang các ngành nghề khác có thu nhập ổn định hơn sẽ ảnh hưởng đến việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch diện tích và chăm sóc trong sản xuất. Chất lượng và trình độ lao động trong nông nghiệp còn thấp sẽ gây khó khăn cho việc chuyển giao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

- Chính sách hỗ trợ tập trung ruộng đất hiện nay thì đối tượng hỗ trợ là người đi thuê lại quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân, đất do UBND cấp xã

quản lý. Do đó, chính sách chưa đủ mạnh để khuyến khích, đẩy mạnh tập trung ruộng đất. Bên cạnh đó, việc tìm kiếm, kết nối để tiêu thụ sản phẩm cho nông dân còn gặp khó khăn, thiếu ổn định.

- Đầu ra một số mặt hàng nông sản vẫn còn khó khăn, chuỗi liên kết sản xuất khép kín chưa nhiều; sản phẩm an toàn, có thương hiệu ít nên giá trị sản xuất vẫn còn thấp.

## **II. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ HÈ THU - MÙA NĂM 2024**

### **2.1. Phương hướng**

- Xây dựng kế hoạch, bố trí cơ cấu giống, cây trồng, thời vụ hợp lý phù hợp với điều kiện thực tế, cụ thể từng vùng.

- Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ ở những vùng không có nước suốt cả vụ, sản xuất không an toàn, kém hiệu quả trong vụ Hè thu - Mùa sang các cây trồng khác có nhu cầu nước ít hơn để đảm bảo sản xuất an toàn, nâng cao thu nhập trên đơn vị diện tích.

- Tăng cường chỉ đạo đẩy mạnh mở rộng diện tích các cây trồng theo hướng an toàn để nâng cao giá trị nông sản (*theo các tiêu chuẩn hữu cơ, VietGAP, ...hoặc các tiêu chuẩn an toàn tương đương...*).

- Đẩy mạnh tập trung ruộng đất, liên kết giữa nông dân và các tổ chức như HTX, doanh nghiệp trong sản xuất gắn bao tiêu sản phẩm nhằm nâng cao giá trị, ổn định sản xuất.

### **2.2. Mục tiêu kế hoạch**

#### **2.2.1. Sản xuất lương thực**

- Thực hiện chỉ tiêu sản xuất lương thực tại Quyết định số 4473/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc giao chỉ tiêu kế hoạch KT-XH tỉnh Nghệ An năm 2024 là 1.195.300 tấn. Căn cứ vào tình hình sản xuất vụ Đông 2023 (*diện tích ngô đạt 16.619,53 ha, sản lượng đạt 80.497,7 tấn*); ước vụ Xuân năm 2024 (*cây lúa: diện tích 91.075,41 ha, sản lượng ước đạt 618.450,8 tấn; cây ngô lấy hạt: diện tích ước đạt 17.500 ha, sản lượng ước đạt 88.375 tấn*), thì vụ Hè Thu - Mùa năm 2024 phải phấn đấu đạt **410.270 tấn lương thực**.

- Để sản xuất vụ Hè Thu - Mùa 2024 an toàn, hiệu quả phù hợp với tình hình thực tế thì mục tiêu cụ thể các cây trồng phấn đấu đạt như sau: (*kèm theo phụ lục 02*).

TT	Loại cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
<b>1</b>	<b>Cây lúa, trong đó</b>	<b>79.500</b>	<b>47,30</b>	<b>376.070</b>
1.1	Vụ Hè Thu	56.900	51,0	290.190
1.1	Vụ Mùa	22.600	38,0	85.880
<b>2</b>	<b>Cây ngô, trong đó</b>	<b>12.000</b>		
2.1	Ngô lấy hạt	9.000	38,0	34.200
2.1	Ngô sinh khối làm thức ăn cho bò	3.000	350,0	105.000
	<b>Tổng cộng sản lượng lương thực có hạt</b>			<b>410.270</b>

Trong đó, cơ cấu 30.000 ha lúa chất lượng và khoảng 9.500 ha lúa lai (vụ Hè Thu 5.000 ha và vụ Mùa 4.500 ha).

### 2.2.2. Các cây trồng khác

TT	Loại cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Cây lạc	680	22,0	1.496
2	Đậu đỗ các loại	2.200	8,8	1.936
3	Cây vừng	2.600	7,5	1.950
4	Rau các loại	11.400	150,0	171.000

## III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

### 3.1. Bố trí thời vụ và cơ cấu giống

#### 3.1.1. Cây lúa

Với dự báo tình hình hạn hán đầu vụ, cuối vụ xảy ra mưa bão, đông lốc. Do đó, thực hiện thời vụ gieo cấy lúa Hè Thu với phương châm “Càng sớm càng tốt” và đặt an toàn, hiệu quả lên trên hết; phải xem xét thời điểm thu hoạch lúa Xuân, khả năng phân phối nước để chọn thời điểm ra mạ, gieo thẳng và cơ cấu giống để khép kín diện tích và tránh mưa lụt, bão, áp thấp nhiệt đới cuối vụ.

Sử dụng các giống đã được công nhận chính thức, công nhận lưu hành và làm mô hình có hiệu quả tốt tại Nghệ An. Đưa nhanh các giống có năng suất cao, ổn định, chất lượng gạo khá trở lên vào sản xuất, giảm các giống có năng suất thấp, chất lượng kém.

Để đảm bảo các yêu cầu trên, định hướng sử dụng giống và bố trí thời vụ cho từng vùng được xác định như sau:

\* *Vùng thấp trũng có nguy cơ ngập lụt cao*: Diện tích khoảng 9.000 ha, tập trung ở các huyện Hưng Nguyên, Nam Đàn, Nghi Lộc, Yên Thành, Diễn Châu,

Quỳnh Lưu, Thanh Chương, Thành phố Vinh và rải rác ở một số huyện khác. Đối với vùng này để tránh bị ngập lụt cuối vụ, cần tuân thủ chặt chẽ về lịch thời vụ, gieo mạ để cấy, sử dụng các giống cực ngắn ngày.

- Thời vụ gieo cấy: Bố trí gieo cấy để thu hoạch trước 30/8.

- Cơ cấu giống như sau: Nên sử dụng các giống có thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày và gieo mạ để cấy.

+ Lúa thuần: TBR97; Khang dân đột biến; ...

+ Lúa Lai: Việt Lai 20, ...

\* *Vùng đất vằn*

- Thời vụ gieo cấy: Bố trí gieo cấy để thu hoạch trước 20/9.

- Cơ cấu giống: Đây là vùng Hè Thu thâm canh, cần sử dụng các giống có năng suất cao, thời gian sinh trưởng có thể dài hơn nhưng không quá 110 ngày. Trường hợp lúa Xuân thu hoạch muộn hoặc do điều tiết nước để làm đất gieo cấy gặp khó khăn, muộn thì phải sử dụng các giống có thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày. Những địa phương có điều kiện về nguồn nước đảm bảo, chỉ đạo tốt việc gieo mạ và bố trí thời vụ hợp lý để thu hoạch an toàn thì có thể cơ cấu những giống dài ngày hơn, gạo chất lượng.

Cơ cấu giống vùng này như sau:

+ Lúa thuần: VNR20; LTH31 (SL9); Bắc Thịnh; TBR225; Thiên ưu 8; Hà Phát 3; Vật tư – NA2; Khang dân 18 (*quy hoạch cho vùng sản xuất làm hàng hóa*).

+ Lúa lai: Thái xuyên 111; Long Hương 8117; Nghi Hương 305; Quốc tế 1; Nhị ưu 986.

\* *Vùng vằn cao ở đồng bằng, vùng ruộng lúa bán sơn địa*

- Thời vụ gieo cấy: Vùng này có thể bố trí gieo cấy để thu hoạch sau 20/9.

- Cơ cấu giống:

+ Đối với vùng chủ động nước: Ưu tiên sử dụng các giống có tiềm năng năng suất cao, chất lượng tốt như các giống cơ cấu ở vùng vằn và có thể sử dụng thêm một số giống dài ngày hơn như: Lúa thuần: Nếp 97; BC15; Nếp 87;...

+ Đối với vùng không chủ động nước, có nước muộn hoặc hạn hán nên sử dụng các giống ngắn ngày như vùng thấp lụt và giống có khả năng chịu hạn để khi có nước thì tiến hành gieo cấy cho kịp thời vụ.

*Theo định hướng trên, căn cứ vào kết quả sản xuất các năm trước và điều kiện sản xuất của địa phương; mỗi huyện, thành, thị chỉ nên chọn tối đa 03-05 giống lúa thuần và 03 - 05 giống lúa lai. Trên cùng một xứ đồng nên chọn các giống lúa có thời gian sinh trưởng tương đương nhau và phải gieo cấy xong trong*

vòng 2 - 3 ngày để thực hiện tốt các yêu cầu chăm sóc, quản lý sâu, bệnh hại. Tùy vào điều kiện cụ thể của từng địa phương, các huyện có thể lựa chọn các giống lúa tại phụ lục 03 để đưa vào cơ cấu giống của địa phương.

**\* Đối với diện tích 4.265 ha đất lúa có nguy cơ hạn, thiếu nước sản xuất**

- Tích trữ nước hiện có trên ruộng đang sản xuất lúa vụ Xuân; hạn chế tối đa việc tiêu tháo nước khi thu hoạch lúa Xuân ở những diện tích này.

- Đối với những diện tích lúa Hè thu nguy cơ bị hạn hán cao, không có nước sản xuất kịp thời vụ thì chuyển sang trồng vụ Mùa để khép kín diện tích nhưng vẫn phải đảm bảo có nước ngọt tối thiểu 2,5 tháng để cây lúa sinh trưởng, phát triển tốt.

- Đối với vùng này nên sử dụng các giống cực ngắn ngày như vùng thấp trũng để giảm bớt áp lực thời gian trong sản xuất.

- Các địa phương xây dựng phương án chống hạn; huy động cả hệ thống chính trị, mọi lực lượng để chỉ đạo, điều tiết đủ nước phục vụ trước và trong quá trình sản xuất đối với những diện tích có nguy cơ hạn hán.

- Thời điểm nắng nóng, đất bị khô hạn thì huy động mọi giải pháp để ưu tiên tưới trên những diện tích lúa đã gieo cấy để bảo vệ những diện tích đã gieo cấy, hạn chế thấp nhất thiệt hại gây.

**3.1.2. Các cây hoa màu ngắn ngày (ngô, lạc, vừng, đậu đỗ, rau các loại):** Sau khi thu hoạch vụ Xuân, cần chủ động tranh thủ đất đủ độ ẩm để làm đất gieo ngay. Sử dụng các giống sau:

- Cây ngô: Sử dụng các giống như: DK 6919s; DK6919; CP511; NK6275; NK4300 Bt/Gt; CP888; LVN14; MX10; HN88 hoặc các giống có tại phụ lục 04 kèm theo. Trên cây ngô có thể ưu tiên sử dụng các giống ngô chuyển gen để hạn chế sự gây hại của sâu keo mùa thu.

- Cây lạc: Sử dụng các giống như: Sen Nghệ An (75/23), L14, L26, L23, TB25, L20, TK10, ...

- Cây vừng: Sử dụng các giống: V6, vừng đen, vừng vàng địa phương,...

- Cây đậu đỗ các loại: Đậu xanh ĐX 135, DX 11, DX 03, ĐX 208, A801, đậu tằm hạt mốc, đậu đen,...

- Cây rau các loại: Có thể sử dụng các giống sau:

+ Bí xanh: Bí xanh số 1, bí xanh thiên thanh 5, Nova 209, An Điền 686,...

+ Bí đỏ: An Điền 019, Én Vàng,...

+ Dưa chuột: PC4, Hoa sen 636, Hoa sen 639,...



+ Dưa hấu: Super Hoàn Châu, Super Man, Phù Đồng, Trang Nông 1096, AD779, VT448,...

+ Mướp ngọt: Hương Việt, Thanh Hoa,...

+ Mướp đắng: F1 Palee, TV-208, ...

### **3.2. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa**

- Các địa phương căn cứ quy định tại Luật Trồng trọt; Nghị định số 94/2019/NĐ-CP và kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm 2024 theo Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 của UBND tỉnh Nghệ An để tổ chức triển khai chuyển đổi một cách hiệu quả nhất là vùng cuối kênh, bán sơn địa, vùng trồng lúa kém hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương.

- Không gieo cấy lúa đối với những vùng không đủ nước tưới suốt cả vụ mà thực hiện chuyển đổi sang trồng các cây trồng cạn khác có nhu cầu ít nước hơn để nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Xây dựng các cơ chế và các điều kiện để khuyến khích người dân chuyển đổi. Chuyển đổi phải gắn với bao tiêu sản phẩm để phát triển bền vững và tạo động lực cho nông dân chuyển đổi.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng đồng thời chuyển đổi mùa vụ, hạn chế nông dân bỏ hoang đất. Khuyến khích chuyển đổi cả 2 vụ để thuận lợi cho việc lựa chọn cây trồng thích hợp.

+ Đối với những vùng bán sơn địa, cuối kênh thường xuyên thiếu nước đầu vụ nhưng có nước muộn có thể chuyển sang trồng ngô sinh khối hoặc các cây màu khác có nhu cầu nước ít hơn như: đậu đỗ, vừng, hoa lý, ...

+ Đối với vùng thấp lệt có thể chuyển sang trồng sen, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản,...

- Cần tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân nắm rõ các điều kiện và thủ tục chuyển đổi theo quy định; đồng thời tăng cường quảng bá các mô hình chuyển đổi có hiệu quả, các quy trình sản xuất an toàn trên đất chuyển đổi để người dân biết và áp dụng rộng rãi.

### **3.3. Về Phân bón**

- Vụ Hè thu - Mùa có khoảng thời gian giữa 2 vụ ngắn, chất hữu cơ trên ruộng chưa phân hủy hết, do vậy để đảm bảo an toàn, hiệu quả cần ưu tiên sử dụng các chế phẩm sinh học để phân hủy gốc rạ tránh ngộ độc hữu cơ; cày bừa kỹ; bón phân hợp lý, nặng đầu, nhẹ cuối.

- Thực hiện nguyên tắc bón phân cân đối; Tăng cường sử dụng các loại phân bón hữu cơ, hữu cơ vi sinh, hữu cơ sinh học hoặc tận dụng các phụ phẩm nông nghiệp để ủ phân hữu cơ bằng các chế phẩm sinh học,... nhằm giảm thiểu phân bón

hóa học, đồng thời cải tạo tính chất đất, giúp cây trồng dễ hấp thu, sinh trưởng, phát triển khoẻ và chống chịu với điều kiện bất thuận.

- Đề giảm thất thoát phân do nắng hạn, mưa lớn, cần căn cứ vào điều kiện thời tiết, nhu cầu dinh dưỡng từng thời điểm, từng chân đất và đối tượng cây trồng để bón phân hiệu quả.

### **3.4. Công tác Bảo vệ thực vật**

- Tăng cường chỉ đạo thực hiện công tác điều tra phát hiện, dự tính dự báo, kiểm tra, giám sát công tác phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng. Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất và phòng chống sinh vật gây hại như: Chương trình Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), Ba giảm ba tăng, SRI, canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu, ...

- Tập trung hướng dẫn, quản lý hiệu quả đối với bệnh lùn sọc đen và chuột ngay từ đầu vụ. Thường xuyên theo dõi chặt chẽ diễn biến điều kiện thời tiết ở các giai đoạn sinh trưởng phát triển của cây trồng, diễn biến phát sinh dịch chính trên đồng ruộng như: Sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, rầy lưng trắng, nhện gié,... hại lúa, sâu keo mùa thu hại ngô, để chủ động áp dụng biện pháp phòng trừ kịp thời, hiệu quả.

### **3.5. Công tác thủy lợi**

- Phải bảo đảm tưới đủ cho toàn bộ diện tích gieo cấy theo kế hoạch đề ra và chống hạn cho cây công nghiệp, cây ăn quả,... trong đó ưu tiên nước phục vụ tưới cho gieo cấy lúa vụ Hè Thu (khoảng 56.500 ha).

- Có phương án chủ động ứng phó với hạn hán xảy ra trong thời gian tới (nhất là vùng cuối kênh, vùng bán sơn địa, vùng sử dụng nguồn nước tưới sông Lam). Phối hợp với các địa phương, đơn vị lập kế hoạch tưới nước từ các công trình thủy lợi cho các cây trồng theo tình hình nguồn nước hiện có để cơ cấu cây trồng hợp lý, đồng thời bố trí lực lượng thường trực tại các công trình thủy lợi để vận hành công trình đáp ứng yêu cầu nước tưới phục vụ sản xuất và đảm bảo tiêu ứng kịp thời khi có mưa bão xảy ra.

- Rà soát tình hình nguồn nước; Lập phương án tưới chống hạn cho từng vùng, từng công trình và thực hiện khi hạn hán thiếu nước xảy ra;

- Phối hợp, làm việc với Công ty thủy điện: Bản Vẽ, Khe Bó, Chi Khê để đảm bảo xả lưu lượng nước đáp ứng nhu cầu dùng nước phục vụ sản xuất, dân sinh cho vùng hạ du;

- Quản lý chặt chẽ nguồn nước, chống rò rỉ thất thoát, sử dụng nguồn nước tiết kiệm, hiệu quả; tăng cường sử dụng các biện pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho lúa và cây trồng cạn;

- Tổ chức nạo vét hệ thống kênh mương, các cửa vào cống lấy nước, bể hút các trạm bơm tưới đảm bảo dẫn nước, thông thoáng từ đầu mỗi tới mặt ruộng, tận dụng mọi nguồn nước phục vụ sản xuất;

- Tập trung lấy nước vào hệ thống khi các hồ thủy điện xả để tăng nguồn nước; tận dụng đầm, ao hồ, bầu biển, sông cụt, các kênh trục lớn để tích trữ nước nội đồng;

- Lắp đặt các trạm bơm dã chiến; bảo dưỡng máy móc thiết bị, sẵn sàng vận hành bơm chống hạn;

- Đối với các loại cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm: Chuẩn bị các điều kiện để chống hạn khi nắng hạn kéo dài gây ra như: Tủ gốc để giữ ẩm, khoan giếng ở những nơi có mạch nước ngầm, đắp các hồ chứa, bể chứa nhỏ, phát triển mạng lưới bơm nhỏ để tưới. Riêng đối với cây Chè ngoài thực hiện các biện pháp chống hạn nêu trên thì nên bố trí trồng các loại cây che bóng phù hợp trên vườn chè và không hái chè bằng máy vào thời gian nắng hạn, dừng hái khi có nắng hạn kéo dài;

- Tuyệt đối phải tuân thủ quy trình: Trước, trong khi bơm phải kiểm tra nguồn nước, nếu độ mặn đến ngưỡng không cho phép theo quy định thì phải ngừng bơm ngay để không làm ảnh hưởng cây lúa và hoa màu;

- Tổ chức quản lý vận hành các hệ thống và các công trình thủy lợi phù hợp, tiết kiệm nước.

### **3.6. Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp**

- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các sai phạm trong sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật,... tại các địa phương theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước. Đảm bảo hàng hoá phục vụ sản xuất, lưu thông trên thị trường có chất lượng tốt, giá cả hợp lý phục vụ kịp thời kế hoạch sản xuất đề ra.

- Các địa phương tổ chức quản lý tốt vật tư nông nghiệp (giống, phân bón, thuốc BVTV,...) trên địa bàn mình đúng theo các quy định của nhà nước.

### **3.7. Về ứng dụng các tiến bộ KHCN, nhân rộng các mô hình sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ**

- Đẩy mạnh việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, KHCN, cơ giới hóa trong sản xuất và các quy trình sản xuất rau, củ, quả, chè,... an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ thông qua việc tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ người dân, có các chính sách cũng như thu hút các tổ chức, cá nhân vào để mở rộng những diện tích này.

- Duy trì, phát triển các diện tích rau củ quả an toàn theo các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, các mô hình sản xuất trong nhà lưới, nhà màng, ...

- Mở rộng diện tích cấy lúa bằng máy và phun thuốc bằng máy để giải quyết vấn đề già hóa lao động trong sản xuất nông nghiệp.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giới thiệu các mô hình đạt kết quả tốt, các tiến bộ kỹ thuật đã được khẳng định, ... để nông dân biết và thực hiện.

### **3.8. Đẩy mạnh liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm**

#### ***a) Liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm***

- Đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, quan tâm xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác hoạt động có hiệu quả gắn với ứng dụng khoa học công nghệ, áp dụng cơ giới hoá đồng bộ vào sản xuất, bảo quản, chế biến và quảng bá, tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Triển khai thực hiện tốt các chính sách của trung ương và địa phương đã ban hành, quan tâm ưu tiên nguồn lực từ các Chương trình MTQG để hỗ trợ thực hiện các Dự án/Kế hoạch liên kết sản xuất.

- Kêu gọi các doanh nghiệp đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ nông dân để sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi giá trị, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp; thường xuyên kiểm tra, giám sát để hỗ trợ, tháo gỡ, xử lý kịp thời các vướng mắc trong việc thực hiện các hợp tác, liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với các hợp tác xã, tổ hợp tác, nông dân và mối quan hệ giữa các thành viên trong hợp tác xã, tổ hợp tác.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động công tác xúc tiến thương mại; tập trung vào việc cung cấp thông tin sản phẩm, tìm kiếm thị trường, thị hiếu và nhu cầu của khách hàng. Đa dạng hóa các hình thức giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm, thúc đẩy thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp.

#### ***b) Cấp, quản lý mã số vùng trồng***

- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát đối với các mã số vùng trồng đã được cấp theo Quyết định số 3156/QĐ-BNN-TT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Kiểm tra, thẩm định các tiêu chí theo quy định của các vùng trồng đề nghị cấp mới.

- Tập huấn, tuyên truyền cho cán bộ chuyên môn cấp huyện, xã; các tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng, thiết lập vùng trồng theo quy định tại Quyết định số 3156/QĐ-BNN-TT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

### **3.9. Cơ chế chính sách**

Thực hiện đầy đủ các chính sách của Chính phủ và UBND tỉnh cho người dân gồm:

- Chính sách hỗ trợ quản lý và sử dụng đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ và Nghị định 62/2019/NĐ-CP

ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 35/2015/NĐ-CP.

- Chính sách hỗ trợ giống, tưới, máy nông nghiệp, hỗ trợ tập trung ruộng đất, hỗ trợ tiêu thụ nông sản theo chuỗi, sản xuất nông sản ứng dụng CNC trong nhà lưới nhà màng, chứng nhận sản phẩm nông nghiệp an toàn theo các tiêu chuẩn, cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, ... trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021.

- Chính sách hỗ trợ nông dân có cây trồng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh để khôi phục sản xuất theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 05/6/2017.

- Chính sách hỗ trợ đầu tư máy móc trang thiết bị, xây dựng nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sở chế biến, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của HTX, ... theo Nghị Quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh Nghệ An.

- Chính sách về Bảo hiểm Nông nghiệp tại Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg ngày 26/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ngoài chính sách của tỉnh đề nghị UBND các huyện, thành, thị cần chủ động trích ngân sách địa phương, khai thác tối đa mọi nguồn lực để thực hiện các chính sách của địa phương, hỗ trợ nông dân đầu tư phát triển sản xuất, đặc biệt là mở rộng mô hình có hiệu quả tại địa phương.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **4.1. Sở Nông nghiệp và PTNT**

- Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn Tỉnh về nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Phối hợp với các ngành, các địa phương, các tổ chức trong việc chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Đề án sản xuất vụ Hè thu - Mùa 2024. Thành lập các đoàn kiểm tra, chỉ đạo việc sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nông sản phẩm theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT và UBND tỉnh.

- Chỉ đạo, kiểm tra và giám sát các đơn vị chuyên môn của Sở thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ để hoàn thành tốt các nội dung của đề án.

- Đầu mối khâu nối, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng như: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Nghệ An, ... và các địa phương xây dựng các chương trình tuyên truyền hướng dẫn, khuyến cáo nông dân thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật thâm canh, phòng trừ sâu bệnh hại do cơ quan chuyên môn đề ra.

### **4.2. Các đơn vị chuyên môn trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT**

#### **4.2.1. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật**

- Phối hợp với các địa phương tuyên truyền; kiểm tra, cập nhật tình hình sản xuất, tình hình dịch hại cây trồng để tham mưu kịp thời các giải pháp trong chỉ đạo sản xuất đạt hiệu quả.

- Phối hợp với các ban ngành, địa phương để hướng dẫn ứng dụng và mở rộng các mô hình như: VietGAP, hữu cơ,...

- Thường xuyên phối hợp với Trung tâm Khí tượng thủy văn Bắc Trung bộ để theo dõi, nắm tình hình diễn biến của thời tiết, nhất là tình hình hạn hán, mưa bão, dông lốc và các diễn biến bất thường khác ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT để chỉ đạo các địa phương thực hiện các biện pháp ứng phó hiệu quả với những tình huống thời tiết bất thuận để giảm thiểu tối đa thiệt hại đến cây trồng; chủ động xây dựng và đề xuất các phương án khắc phục thiệt hại nếu xảy ra hạn hán, mưa bão, dịch bệnh cây trồng,....

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật phục vụ sản xuất vụ Hè thu - Mùa 2024 trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và đề xuất các phương án khắc phục thiệt hại cây trồng nếu xảy ra hạn hán, mưa bão, dịch bệnh cây trồng.

- Xây dựng phương án phòng trừ sâu bệnh bảo vệ sản xuất vụ Hè thu –Mùa 2024 để các địa phương làm cơ sở tổ chức thực hiện, trong đó lưu ý công tác phòng trừ bệnh lùn sọc đen, sâu cuốn lá nhỏ, chuột,...hại lúa và sâu keo mùa thu trên cây ngô.

- Thường xuyên kiểm tra, dự tính, dự báo tình hình sâu bệnh hại trên đồng ruộng. Phối hợp với chính quyền địa phương các cấp và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng để tuyên truyền phổ biến, chỉ đạo nông dân tổ chức phòng trừ kịp thời, hiệu quả, không để dịch hại lây lan trên diện rộng gây thiệt hại đến sản xuất.

- Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng để phổ biến, tuyên truyền hướng dẫn nông dân tổ chức sản xuất, phòng trừ sâu bệnh hại kịp thời, hiệu quả; Đặc biệt là tuyên truyền để nông dân hiểu về thời vụ gieo trồng, kỹ thuật chăm sóc, né tránh thiên tai và phòng trừ sâu bệnh kịp thời, hiệu quả.

#### **4.2.2. Chi cục Thủy lợi**

- Xây dựng phương án tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất vụ Hè Thu - Mùa 2024. Trên cơ sở đó tham mưu trình UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, đơn vị cân đối nguồn nước để phục vụ sản xuất.

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan để xây dựng phương án chống hạn ngay từ đầu vụ (nhất là những diện tích có nguy cơ hạn hán, vùng bán sơn địa, cuối kênh). Trong đó, lưu ý vùng bơm điện phải có lịch tưới cụ thể để có căn cứ thống nhất với ngành điện về bố trí điện phục vụ chống hạn. Ngoài chống hạn cần xây dựng phương án tiêu thoát nước khi có mưa to, ngập úng vào cuối vụ nhằm giảm thiểu mức thấp nhất thiệt hại do mưa bão.

- Chỉ đạo các Công ty, Xí nghiệp cung cấp đủ nước và kịp thời cho sản xuất, kiên quyết không để tình trạng thiếu nước xảy ra trên diện tích gieo cấy lúa theo kế hoạch. Phối hợp với các Ban quản lý công trình thủy điện (nhất là Ban quản lý công trình thủy điện Bản Vẽ, Khe Bó, Chi Khê) để có kế hoạch xả nước hợp lý, đảm bảo sản xuất.

- Tiến hành rà soát lại nguồn nước ở các hồ đập, sông suối trên địa bàn tỉnh kể cả các hồ đập nhỏ, trên cơ sở đó phối hợp với các địa phương đề xuất phương án bố trí cơ cấu cây trồng hợp lý cho từng vùng.

- Chỉ đạo vận hành đúng quy trình các cửa âu thuyền ở các công ngăn mặn để tiết kiệm nước và giữ ngọt ở các công Bến Thủy, Nghi Quang, Diên Thành. Rà soát kiểm tra số lượng bơm điện, bơm dầu đã chiến nếu hư hỏng phải đầu tư tu sửa để sẵn sàng đối phó khi xảy ra hạn hán kéo dài.

- Tham mưu, giải quyết các vướng mắc trong việc thi công các công trình thủy lợi, đồng thời bố trí lịch cắt và cấp nước cụ thể, hợp lý để đảm bảo cấp và tiêu thoát nước kịp thời cho sản xuất.

#### ***4.2.3. Chỉ cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn***

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao của đơn vị, phối hợp chặt chẽ với UBND các huyện, thành phố, thị xã để triển khai thực hiện Đề án, trong đó chú trọng tăng cường công tác quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp tham gia sản xuất vụ Hè thu - Mùa; hỗ trợ, khuyến khích các HTX tăng cường liên doanh, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong vụ Hè thu - Mùa và triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; phát triển vùng nguyên liệu trên địa bàn tỉnh.

#### ***4.2.4. Chỉ cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường***

- Tập trung quản lý, giám sát chất lượng an toàn thực phẩm và kết nối tiêu thụ, xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm giúp sản xuất đạt hiệu quả cao.

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, hướng dẫn thực hiện sản xuất an toàn nhất là các sản phẩm rau, củ, quả,...theo quy định của pháp luật.

- Chủ trì kết nối tiêu thụ nông sản, tham mưu phương án tiêu thụ sản phẩm khi có nguy cơ khó khăn trong công tác tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sàn thương mại điện tử, UBND cấp huyện và các ban ngành khác để tổ chức, hướng dẫn, tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản trên địa bàn nhằm kết nối, giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm trên sàn thương mại điện tử.

#### **4.2.5. Trung tâm Khuyến nông**

- Tổ chức tuyên truyền Đề án sản xuất cây trồng vụ Hè thu-Mùa 2024, hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật để sản xuất thâm canh các cây trồng vụ Hè thu-Mùa đến tận người sản xuất.

- Xây dựng các mô hình trình diễn các tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao. Phối hợp với các địa phương mở rộng các mô hình có hiệu quả kinh tế cao, mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm, ... và các tiến bộ kỹ thuật mới khác.

#### **4.2.6. Trung tâm Giống cây trồng**

- Triển khai các hoạt động nghiên cứu, chọn tạo và phục tráng giống cây trồng.

- Tổ chức triển khai, bố trí địa điểm để theo dõi, đánh giá về tiềm năng năng suất, thời gian sinh trưởng của các giống được cơ cấu tại Đề án này để có báo cáo đánh giá ở cuối vụ gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT qua (Phòng quản lý kỹ thuật và KHCN).

**4.2.7. Các đơn vị khác thuộc Sở:** Căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình để triển khai, thực hiện góp phần vào thắng lợi sản xuất vụ Hè Thu - Mùa 2024.

### **4.3. Các tổ chức chính trị xã hội**

Căn cứ nhiệm chức năng nhiệm vụ chính trị của mình xây dựng chương trình hành động thiết thực để lãnh đạo các cấp hội vận động hội viên, đoàn viên tham gia thực hiện tốt kế hoạch sản xuất vụ Hè thu - Mùa 2024.

### **4.4. UBND các huyện, thành phố, thị xã**

a) Trên cơ sở Đề án sản xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT, căn cứ vào đặc điểm địa hình, đất đai, khí hậu và trình độ thâm canh sản xuất,... của địa phương để xây dựng Đề án sản xuất vụ Hè Thu - Mùa năm 2024 cụ thể, sát với thực tế của địa phương nhằm phát huy tối đa các lợi thế sẵn có. Đề án phải thể hiện sự phấn đấu cao, các chỉ tiêu phải vượt trội, phù hợp với tình hình thực tế và các giải pháp tổ chức chỉ đạo thực hiện phải tích cực, quyết liệt để đảm bảo giành thắng lợi.

b) Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước và công tác chỉ đạo sản xuất ở địa phương trên các phương diện:

- Tổ chức chỉ đạo sản xuất một cách quyết liệt, phân vùng để chỉ đạo sản xuất để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Xây dựng cơ cấu giống, thời vụ cho Hè Thu, vụ Mùa 2024 để chỉ đạo nông dân thực hiện nghiêm, nhất là đối với thời vụ gieo cấy lúa vùng sâu trũng, thường xuyên ngập lụt và ưu tiên sử dụng các giống lúa chất lượng; đồng thời tăng cường diện tích lúa, rau theo hướng an toàn theo các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ.

- Các địa phương, đơn vị xây dựng phương án chống hạn và tổ chức thực hiện. Rà soát lại nguồn nước để xây dựng kế hoạch tưới vụ Hè Thu – Mùa phù hợp, không



gieo trồng đối với những diện tích không đảm bảo tưới suốt vụ. Xây dựng phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa, nhất là vùng cao cưỡng, vùng cuối kênh không có nước tưới suốt cả vụ hoặc vùng sản xuất lúa kém hiệu quả chuyển sang trồng các cây trồng khác có hiệu quả hơn để hạn chế mức thấp nhất diện tích đất bỏ hoang (không sản xuất).

- Theo dõi diễn biến thời tiết và có các biện pháp hạn chế thiệt hại do hạn hán, mưa bão gây ra; thống kê tổng hợp tình hình thiệt hại, báo cáo Chi cục Trồng trọt và BVTV để tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT phương án xử lý kịp thời.

- Tăng cường công tác thanh, kiểm tra để quản lý chất lượng giống cây trồng, phân bón và thuốc BVTV trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp cung ứng vật tư nông nghiệp không đảm bảo chất lượng để bảo vệ tốt quyền lợi cho người nông dân.

- Thành lập Ban chỉ đạo sản xuất vụ Hè thu - Mùa cấp huyện; Phân công lãnh đạo UBND huyện, lãnh đạo các phòng, ban phụ trách chỉ đạo và chịu trách nhiệm cụ thể từng xã, cụm xã, phường, thị trấn. Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn nông dân thực hiện đúng các biện pháp kỹ thuật nhằm hạn chế ảnh hưởng của thời tiết và sâu bệnh hại.

- Chỉ đạo Trung tâm dịch vụ nông nghiệp tăng cường giám sát đồng ruộng, thực hiện tốt nhiệm vụ điều tra phát hiện, dự tính dự báo và chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng, trong đó chú ý các đối tượng như: bệnh lùn sọc đen, sâu cuốn lá nhỏ, chuột,...trên cây lúa, sâu keo mùa thu hại ngô, ...

- Căn cứ vào khả năng, điều kiện của địa phương để ban hành các cơ chế hỗ trợ nông dân về: Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, KHCN cao vào sản xuất, phòng trừ sâu bệnh hại,... ngoài chính sách của Tỉnh và Trung ương.

c) Đầu mối mời gọi các tổ chức, cá nhân vào xây dựng, mở rộng các mô hình liên kết sản xuất bao tiêu sản phẩm cây trồng vụ Hè thu - Mùa để phát huy hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho người nông dân.

d) Phối hợp với các ban, ngành, đơn vị liên quan để hướng dẫn, tuyên truyền, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sử dụng thêm phương thức bán hàng trên sàn thương mại điện tử nhằm kết nối, giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm.

e) Phối hợp với các Chi cục thống kê để thống nhất số liệu, định kỳ báo cáo tiến độ sản xuất về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật vào sáng thứ 4 hàng tuần để tổng hợp tham mưu Sở báo cáo UBND tỉnh và Cục Trồng trọt. Trường hợp cần thiết và đột xuất Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật sẽ có công văn gửi các địa phương.

#### **4.5. Các đơn vị cung ứng, doanh nghiệp, Hợp tác xã**

- Các đơn vị cung ứng giống và vật tư, phân bón, Thuốc BVTV: Căn cứ vào Đề án sản xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT để chủ động ký hợp đồng và chuẩn bị đủ vật tư nông nghiệp về giống, phân bón, thuốc BVTV, ... đảm bảo chất lượng, đúng cơ cấu đã được phê duyệt trong đề án này, cung ứng kịp thời phục vụ tốt nhất cho sản xuất.

- Các doanh nghiệp, HTX bao tiêu sản phẩm cần tăng cường mở rộng các mô hình liên kết và bao tiêu các sản phẩm cây trồng với nông dân hoặc tổ chức đại diện nông dân như tổ hợp tá để ổn định đầu ra, nâng cao hiệu quả sản xuất.

### **V. KIẾN NGHỊ**

Vụ Hè Thu - Mùa năm 2024 là vụ sản xuất đối mặt với rất nhiều khó khăn thách thức như hạn hán, bão lụt, các loại sâu bệnh có nguy cơ phát sinh gây hại nặng như: sâu cuốn lá nhỏ, bệnh lùn sọc đen, sâu keo mùa thu, chuột,... Do đó, để đảm bảo giành được thắng lợi; Sở Nông nghiệp và PTNT kính đề nghị UBND tỉnh:

1. Ban hành Chỉ thị về tăng cường sản xuất vụ Hè thu - Mùa năm 2024, để huy động các nguồn lực, tập trung chỉ đạo hoàn thành thắng lợi sản xuất Hè thu - Mùa năm 2024.

2. Chỉ đạo các ngành, các cấp và UBND các huyện, thành, thị tăng cường công tác chỉ đạo, đôn đốc và có các cơ chế chính sách hỗ trợ để khuyến khích nông dân thực hiện các biện pháp kỹ thuật đã được quy định tại Đề án để đảm bảo vụ Hè Thu - Mùa 2024 đạt kết quả thắng lợi; Thành lập các đoàn kiểm tra, chỉ đạo sản xuất để thường xuyên theo dõi, phát hiện và xử lý, bổ cứu kịp thời những khó khăn, vướng mắc nảy sinh giúp các địa phương, cơ sở tháo gỡ khi triển khai thực hiện Đề án; Xây dựng phương án chống hạn, xâm nhập mặn, lụt bão vụ Hè thu - Mùa cụ thể, chi tiết cho từng vùng để đảm bảo công tác cấp và tiêu nước phục vụ sản xuất khi có hạn hán, lụt bão xảy ra.

#### **3. Sở Công thương**

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo các Công ty Thủy điện trên địa bàn tỉnh điều tiết xả nước với lưu lượng phù hợp để đảm bảo cấp đủ nước tưới phục vụ sản xuất, dân sinh cho vùng hạ du khi thiếu nước.

- Chỉ đạo điện lực Nghệ An căn cứ vào lịch thời vụ sản xuất vụ Hè thu - Mùa năm 2024 để ưu tiên cấp điện phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhất là những địa phương, các vùng không chủ động được nước, thời điểm cần điện để bơm nước để gieo cấy lúa và tưới dưỡng.

- Hỗ trợ kết nối tiêu thụ và quảng bá các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4. Các cơ quan thông tin đại chúng: Đài phát thanh - truyền hình tỉnh, Báo Nghệ An và các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn dành thời lượng ưu tiên cho công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về nông nghiệp, nông thôn, các biện pháp kỹ thuật, biện pháp bảo vệ sản xuất trong vụ Hè thu - Mùa năm 2024. Phối hợp với các cấp, các ngành kịp thời đưa tin, biểu dương những đơn vị, địa phương, cá nhân làm tốt và nhắc nhở những địa phương, đơn vị, cá nhân làm chưa tốt.

Trên đây là những nội dung chính của Đề án sản xuất trồng trọt vụ Hè Thu - Mùa 2024, Sở Nông nghiệp và PTNT mong nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp & PTNT, Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh; sự phối hợp và tạo điều kiện của các ngành, các huyện, thành, thị và sự hưởng ứng nhiệt tình của bà con nông dân trên toàn tỉnh để sản xuất vụ Hè thu - Mùa năm 2024 đạt và vượt các mục tiêu kế hoạch đề ra ./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để báo cáo);
- Tỉnh uỷ, HĐND, UBND Tỉnh (để báo cáo);
- Đ/c Nguyễn Văn Độ PCT UBND Tỉnh (để báo cáo);
- Các Sở, ban, ngành cấp Tỉnh (để phối hợp);
- Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT (để chỉ đạo);
- UBND các huyện, thành, thị (để triển khai thực hiện);
- Các cơ quan thông tin đại chúng (để theo dõi, đưa tin);
- Các đơn vị liên quan (để thực hiện);
- Các phòng, đơn vị của Sở NN&PTNT (để thực hiện);
- Webservice Sở;
- Lưu VT, QLKT&KHCV, TT&BVTV.

**GIÁM ĐỐC**

**Phùng Thành Vinh**

**Phụ lục 01: Kết quả sản xuất vụ Hè Thu - Mùa năm 2023**

TT	Chỉ tiêu	Hè thu - Mùa 2022	Hè thu - Mùa 2023	So sánh 2023/2022		Kết quả vụ Hè Thu - Mùa 2023 so với kế hoạch	
				Tăng (+)	%	Tăng (+)	%
				Giảm (-)		Giảm (-)	
1	<b>Cây lúa:</b> - Diện tích gieo trồng	81.595,79	77.696,01	-3.899,78	95,22	-3.803,99	95,33
	- Diện tích thu hoạch	80.940,14	77.207,01	-3.733,13	95,39	-4.292,99	94,73
	- Năng suất thu hoạch	47,93	48,43	0,50	101,04	1,11	102,35
	- Sản lượng	387.976,76	373.913,26	-14.063,50	96,38	-11.736,74	96,96
1.1	<b>Vụ Hè Thu</b> - Diện tích gieo trồng	60.166,03	56.947,89	-3.218,14	94,65	-1.052,11	98,19
	- Diện tích thu hoạch	60.081,50	56.828,26	-3.253,24	94,59	-1.171,74	97,98
	- Năng suất thu hoạch	51,59	51,33	-0,26	99,50	-0,17	99,67
	- Sản lượng	309.937,06	291.682,00	-18.255,06	94,11	-7.018,00	97,65
1.2	<b>Vụ Mùa:</b> - Diện tích gieo trồng	21.429,76	20.748,12	-681,64	96,82	-2.751,88	88,29
	- Diện tích thu hoạch	20.858,64	20.378,75	-479,89	97,70	-3.121,25	86,72
	- Năng suất thu hoạch	37,41	40,35	2,94	107,86	3,35	109,05
	- Sản lượng	78.039,70	82.231,26	4.191,56	105,37	-4.718,74	94,57
2	<b>Cây ngô:</b> - Tổng diện tích gieo trồng	13.288,18	14.660,62	1.372,44	110,33	2.460,62	120,17
	- Diện tích cho thu hoạch	12.790,85	14.613,22	1.822,37	114,25	2.413,22	119,78
2.1	<b>Ngô lấy hạt</b>						
	- Diện tích gieo trồng	11.284,14	12.025,31	741,17	106,57	1.825,31	117,90
	- Diện tích thu hoạch	10.806,21	11.977,91	1.171,70	110,84	1.777,91	117,43
	- Năng suất thu hoạch	38,33	38,69	0,36	100,94	0,69	101,82
	- Sản lượng	41.421,24	46.337,10	4.915,86	111,87	7.577,10	119,55
2.2	<b>Ngô sinh khối làm thức ăn cho bò</b>						
	- Diện tích gieo trồng	2.004,04	2.635,31	631,27	131,50	635,31	131,77
	- Diện tích thu hoạch	1.984,64	2.635,31	650,67	132,79	635,31	131,77
	- Năng suất thu hoạch	355,06	351,13	-3,93	98,89	1,13	100,32
	- Sản lượng	70.466,11	92.534,16	22.068,05	131,32	22.534,16	132,19
3	<b>Rau các loại:</b> -Diện tích gieo trồng	12.199,44	12.175,47	-23,97	99,80	375,47	103,18
	- Diện tích thu hoạch	11.348,08	12.174,62	826,54	107,28	374,62	103,17
	- Năng suất thu hoạch	152,38	148,73	-3,65	97,60	-1,27	99,15
	- Sản lượng	172.919,78	181.075,89	8.156,11	104,72	4.075,89	102,30
4	<b>Đậu đỗ các loại:</b> - Diện tích gieo trồng	2.227,59	2.187,01	-40,58	98,18	-412,99	84,12
	hoạch - Diện tích thu	2.211,12	2.187,01	-24,11	98,91	-412,99	84,12
	- Năng suất thu hoạch	8,8	8,95	0,15	101,70	0,45	105,29
	- Sản lượng	1.946,58	1.957,56	10,98	100,56	-252,44	88,58
5	<b>Cây lạc:</b> - Diện tích gieo trồng	685,72	615,65	-70,07	89,78	-134,35	82,09
	- Diện tích thu hoạch	667,72	615,65	-52,07	92,20	-134,35	82,09
	- Năng suất thu hoạch	22,76	22,21	-0,55	97,58	0,21	100,95
	- Sản lượng	1.519,70	1.367,45	-152,25	89,98	-282,55	82,88
6	<b>Cây vừng:</b> - Diện tích gieo trồng	2.833,97	2.777,97	-56,00	98,02	-22,03	99,21
	- Diện tích thu hoạch	2.833,97	2.777,97	-56,00	98,02	-22,03	99,21
	- Năng suất thu hoạch	7,38	7,55	0,17	102,30	0,35	104,86
	- Sản lượng	2.092,53	2.096,89	4,36	100,21	80,89	104,01

## KẾ HOẠCH DIỆN TÍCH CÁC CÂY TRỒNG VỤ HÈ THU- MÙA 2024 CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ

STT	Toàn tỉnh	Cây lúa (ha)						Cây ngô (ha)			Cây lạc (ha)	Cây vừng (ha)	Cây rau các loại (ha)	Cây đậu đỗ (ha)
		Tổng DT	Trong đó					Tổng DT	Trong đó					
			Cơ cấu mùa vụ			Cơ cấu giống			Ngô lấy hạt	Ngô sinh khối làm thức ăn cho bò				
			Lúa Hè thu	Lúa Mùa		Lúa Lai	Lúa Thuần							
Tổng lúa mùa	Trong đó lúa rẫy													
		<b>79.500,0</b>	<b>56.900,0</b>	<b>22.600,0</b>	<b>6.100,0</b>	<b>9.500,0</b>	<b>70.000,0</b>	<b>12.000,0</b>	<b>9.000,0</b>	<b>3.000,0</b>	<b>680,0</b>	<b>2.600,0</b>	<b>11.400,0</b>	<b>2.200,0</b>
1	Diễn Châu	6.400,0	6.400,0	0,0	0,00	1.000,0	5.400,0	550,0	350,0	200	0	1.700,0	870,0	120,0
2	Yên Thành	11.000,0	11.000,0	0,0	0,0	2.000,0	9.000,0	800,0	750,0	50	65	50,0	1.200,0	150,0
3	Quỳnh Lưu	4.000,0	4.000,0	0,0	0,0	380,0	3.620,0	805,0	665,0	140	35	140,0	2.100,0	50,0
4	TX Hoàng Mai	650,0	200,0	450,0	0,0	60,0	590,0	225,0	200,0	25,0	35,0	3,0	650,0	0,0
5	Nghi Lộc	6.150,0	4.900,0	1.250,0	0,0	0,0	6.150,0	255,0	255,0	0,0	0,0	150,0	380,0	25,0
6	Nam Đàn	5.600,0	5.600,0	0,0	0,0	0,00	5.600,0	165,0	75,0	90,0	35,0	180,0	950,0	943,0
7	Hung Nguyên	4.000,0	4.000,0	0,0	0,0	0,0	4.000,0	50,0	5,0	45,0	0,0	100,0	450,0	100,0
8	Đô Lương	7.900,0	7.900,0	0,0	0,0	100,0	7.800,0	590,0	560,0	30,0	130,0	30,0	460,0	80,0
9	TP Vinh	710,0	400,0	310,0	0,0	400,0	310,0	70,0	40,0	30,0	0,0	15,0	100,0	2,0
10	Cửa Lò	130,0	0,0	130,0	0,0	0,0	130,0	70,0	70,0	0,0	0,0	0,0	50,0	20,0
11	Thanh Chương	5.000,0	5.000,0	0,0	0,0	200,0	4.800,0	500,0	500,0	0,0	45,0	100,0	350,0	500,0
12	Tân Kỳ	4.400,0	1.500,0	2.900,0	0,0	750,0	3.650,0	1.500,0	700,0	800,0	30,0	81,0	400,0	30,0
13	Nghĩa Đàn	3.400,0	700,0	2.700,0	0,0	2.500,0	900,0	1.600,0	800,0	800,0	65,0	5,0	1.200,0	110,0
14	TX Thái Hoà	750,0	0,0	750,0	0,0	300,0	450,0	200,0	100,0	100,0	5,0	0,0	150,0	0,0
15	Quỳ Hợp	2.600,0	1.900,0	700,0	0,0	780,0	1.820,0	800,0	750,0	50,0	70,0	0,0	550,0	0,0
16	Quỳ Châu	1.800,0	400,0	1.400,0	0,0	200,0	1.600,0	230,0	230,0	0,0	30,0	0,0	300,0	0,0
17	Quế Phong	2.500,0	0,0	2.500,0	0,0	500,0	2.000,0	150,0	150,0	0,0	60,0	0,0	100,0	20,0
18	Anh Sơn	2.600,0	2.300,0	300,0	0,0	200,0	2.400,0	800,0	400,0	400,0	20,0	40,0	300,0	50,0
19	Con Cuông	2.160,0	500,0	1.660,0	0,0	130,0	2.030,0	480,0	400,0	80,0	25,0	6,0	190,0	0,0
20	Tương Dương	1.550,0	200,0	1.350,0	600,0	0,0	1.550,0	1.060,0	900,0	160,0	30,0	0,0	450,0	0,0
21	Kỳ Sơn	6.200,0	0,0	6.200,0	5.500,0	0,0	6.200,0	1.100,0	1.100,0	0,0	0,0	0,0	200,0	0,0

**Phụ lục 03: Danh sách các giống lúa đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận chính thức, công nhận lưu hành và đưa vào sản xuất trong vụ Hè Thu – Mùa năm 2024 tại Nghệ An**

TT	Tên giống	Thời gian sinh trưởng vụ Hè Thu – Mùa (ngày)	Năng suất trung bình (tạ/ha)	Ghi chú
<b>A</b>	<b>LÚA THUẦN</b>			
<b>I</b>	<b>Giống chủ lực</b>			
<b>1.1</b>	<b>Giống có thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày</b>			
1	Khang dân đột biến	95-100	50-55	
2	TBR97	95-100	50-55	
<b>1.2</b>	<b>Giống có thời gian sinh trưởng từ 100 – 110 ngày</b>			
1	VNR 20	100-105	55-58	
2	LTH31 (SL 9)	100-105	55-58	
3	Khang dân 18	100-105	50-55	
4	Bắc Thịnh	100-105	50-55	
5	TBR225	105-108	55-60	
6	Thiên ưu 8	103-108	55-60	
7	Hà Phát 3	105-110	55-60	
8	Vật tư NA2	102-107	55-58	
<b>1.3</b>	<b>Giống có thời gian sinh trưởng trên 110 ngày</b>			
1	Nếp 97	110-115	50-55	Lúa nếp
2	BC15	110-115	55-60	
3	Nếp 87	110-115	50-55	Lúa nếp
4	KING 6	110-115	50-55	Lúa nếp
<b>II</b>	<b>Ngoài ra có thể sử dụng các giống sau</b>			
<b>2.1</b>	<b>Giống có thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày</b>			
1	PC6	95-100	50-55	
2	HN6	95-100	50-55	
3	SV181	90-95	50-55	
<b>2.2</b>	<b>Giống có thời gian sinh trưởng từ 100 – 110 ngày</b>			
1	Hương Bình	100-105	50-55	
2	Hương Thanh 8	100-105	50-55	
3	ADI 168	100-105	50-55	
4	DT 80	100-105	55-60	
5	Hưng Long 555	100-105	55-60	
6	TBR 87	100-105	55-60	

<b>TT</b>	<b>Tên giống</b>	<b>Thời gian sinh trưởng vụ Hè Thu – Mùa (ngày)</b>	<b>Năng suất trung bình (tạ/ha)</b>	<b>Ghi chú</b>
7	ADI 28	100-105	50-55	
8	VNR 10	100-105	50-55	
9	DT 82	100-105	50-55	
10	Hạt ngọc 9	100-105	50-55	
11	HANA số 6	100-105	50-55	
12	HĐ9	100-105	55-60	
13	ĐH15	100-105	55-60	
14	HD11	100-105	50-55	
15	QR1	100-105	50-55	
16	CNC 11	100-105	50-55	
17	HG12	100-105	50-55	
18	TH8	100-105	50-55	
19	QP5	100-105	50-55	
20	HANA 167	100-105	50-55	
21	BQ	100-105	50-55	
22	HANA số 7	100-105	50-55	
23	ĐH12	100-105	50-55	
24	LP5	100-105	50-55	
25	Lam Sơn 8	100-105	55-58	
26	ĐT100	100-105	50-55	
27	Thanh Hương	100-105	50-55	
28	HDT10	100-105	50-55	
29	TBR-1	100-105	50-55	
30	ĐB18	100-105	50-55	
31	ND 502	100-105	50-55	
32	Vật tư NA6	104-108	55-60	
33	TBR89	105-110	55-60	
34	Đông A1	105-110	55-60	
35	Bắc hương 9	105-110	50-55	
36	Bắc thơm 7	105-110	45-50	
37	DQ11	105-110	55-60	
38	Dự hương 8	105-110	55-60	
39	Nếp Hương	100-105	50-55	Lúa nếp
40	Nếp 98	105-110	50-52	Lúa nếp

TT	Tên giống	Thời gian sinh trưởng vụ Hè Thu – Mùa (ngày)	Năng suất trung bình (tạ/ha)	Ghi chú
41	Nếp A Sào	105-110	50-52	Lúa nếp
<b>2.3</b>	<b>Giống có thời gian sinh trưởng trên 110 ngày</b>			
1	Nếp ĐT52	110-115	50-55	Lúa nếp
2	JO2	110-115	50-55	
3	JO1	110-115	50-55	
<b>B</b>	<b>LÚA LAI</b>			
<b>I</b>	<b>Giống chủ lực</b>			
<b>1.1</b>	<b>Giống có thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày</b>			
1	Việt Lai 20	95-100	50-55	
<b>1.2</b>	<b>Giống có thời gian sinh trưởng từ 100-110 ngày</b>			
1	Thái Xuyên 111	107-110	60-65	
2	Long Hương 8117	105-110	55-60	
3	Nghi Hương 305	105-110	55-60	
4	Quốc tế 1	105-110	60-65	
5	Nhị ưu 986	107-110	58-60	
<b>II</b>	<b>Ngoài ra có thể sử dụng các giống sau</b>			
<b>2.1</b>	<b>Giống có thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày</b>			
1	TH3-5	95-100	50-55	
2	LC 270	95-100	50-55	
<b>2.2</b>	<b>Giống có thời gian sinh trưởng từ 100-110 ngày</b>			
1	GS55	105-110	55-60	
2	27P53	105-110	55-60	
3	Phúc Thái 168	105-110	55-60	
4	VT 868	105-110	55-60	
5	HD879	105-110	55-60	
6	ADI 73	105-110	55-60	
7	Syn 98	105-110	55-60	
8	Syn 8	105-110	55-60	
9	LP1601	105-110	55-60	
10	Q.ưu 6	105-110	55-60	
11	HYT100	105-110	55-60	
12	MHC2	105-110	55-60	
13	An Nông 1424	105-110	55-60	
14	VT 404	103-108	55-60	



TT	Tên giống	Thời gian sinh trưởng vụ Hè Thu – Mùa (ngày)	Năng suất trung bình (tạ/ha)	Ghi chú
15	QL 301	100-105	55-60	
16	Lai thơm 6	100-105	50-55	
17	Phú ưu 978	100-105	55-60	
18	TH3-4	100-105	50-55	

**Phụ lục 04: Danh sách các giống ngô đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận chính thức, công nhận lưu hành và đưa vào sản xuất trong vụ Hè Thu – Mùa năm 2024 tại Nghệ An**

TT	Tên giống	Thời gian sinh trưởng vụ Hè Thu – Mùa (ngày)	Năng suất trung bình (tạ/ha)	Ghi chú
<b>A</b>	<b>GIỐNG CHỦ LỰC</b>			
1	DK6919 S	100-103	52-57	Ngô biến đổi gen
2	DK6919	100-103	50-55	
3	CP511	105-110	50-55	
4	NK 6275	105-110	55-60	
5	NK4300 Bt/GT	105-110	50-55	Ngô biến đổi gen
6	CP888	113-115	50-55	
7	LVN14	95-100	50-55	Có sinh khối lớn
8	MX10	80-85	45-50	Thu hoạch ăn tươi
9	HN68	62-65	45-50	Thu hoạch ăn tươi
<b>B</b>	<b>NGOÀI RA CÓ THỂ SỬ DỤNG CÁC GIỐNG SAU</b>			
<b>I</b>	<b>Ngô lấy hạt</b>			
1	CP3Q	110-115	55-60	
2	P4311	110-115	55-60	
3	CP 501	105-110	55-60	
4	CP 512	105-110	55-60	
5	PAC999 Super	105-110	50-55	
6	PAC 339	105-110	50-55	
7	PAC 789	105-110	50-55	
8	VN5885	105-110	50-55	
9	VS36	105-110	50-55	
10	NK4300	105-110	50-55	

<b>TT</b>	<b>Tên giống</b>	<b>Thời gian sinh trưởng vụ Hè Thu – Mùa (ngày)</b>	<b>Năng suất trung bình (tạ/ha)</b>	<b>Ghi chú</b>
11	DK6818	100-105	50-55	
12	LVN092	95-105	50-55	
13	SSC2095	95-100	50-55	
14	SSC 131	95-100	50-55	
15	LVN61	95-100	50-55	
16	CP333	90-95	50-55	
17	HN45	90-95	50-55	
<b>II</b>	<b>Ngô chuyển gen</b>			
1	NK 7328 Bt/GT	110-115	50-55	Có sinh khối lớn
2	PAC 999 Super S	110-115	50-55	
3	NK6101BGT	105-110	55-60	
4	NK66 Bt/GT	100-105	50-55	
5	DK9955 S	100-105	50-55	
<b>III</b>	<b>Ngô sinh khối</b>			
1	AVA 3668	100-105	50-55	Có sinh khối lớn
2	P4199	105-110	50-55	Có sinh khối lớn
3	CP111	105-110	55-60	Có sinh khối lớn
4	PSC 102	100-105	52-57	Có sinh khối lớn
5	PSC 747	100-105	52-57	Có sinh khối lớn
<b>IV</b>	<b>Ngô thu hoạch ăn tươi</b>			
1	MX6	80-85	45-50	Thu hoạch ăn tươi
2	Max 68	80-85	45-50	Thu hoạch ăn tươi
3	HN88	65-70	45-50	Thu hoạch ăn tươi
4	ADI668	65-70	45-50	Thu hoạch ăn tươi
5	TBM 18	65-70	45-50	Thu hoạch ăn tươi
6	Ngô nếp Bạch Long	65-67	45-50	Thu hoạch ăn tươi
7	Fancy111 (nếp tím)	70-75	50-55	Thu hoạch ăn tươi

**Phụ lục 05: Danh sách các giống lạc được vào sản xuất trong vụ Hè Thu –  
Mùa tại Nghệ An**

<b>TT</b>	<b>Tên giống</b>	<b>Thời gian sinh trưởng vụ Hè Thu – Mùa (ngày)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	L14	95-110	
2	L23	100-105	
3	L26	95-100	
4	Sen lai 75/23	105-110	
5	TK10	100-110	
6	TB25	100-110	
7	TB29	100-110	
8	L20	100-105	